

Bản án số: **105/2022/DS-ST**

Ngày: 01 – 11 – 2022.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Nguyễn Thanh Nhu.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST – DS ngày 06 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 100/2022/QĐST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà B: Bà **Đinh Thị M**, sinh năm 1972, địa chỉ: A/b, tổ E, Khu phố Q, phường K, thành phố T, tỉnh Bến Tre và **anh Lê Minh T**, sinh năm 1995, địa chỉ: B/c, ấp Q, xã D, huyện P, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên hệ: C/D đường Đồng Văn C, ấp T, xã P, thành phố T, tỉnh Bến Tre.

(Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 4 năm 2022) (bà M vắng mặt, anh T có mặt).

Bà Đinh Thị Bé M có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2022, bản tự khai ngày 13/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị B do người đại diện theo ủy quyền là anh Lê Minh T trình bày:*

Do mối quan hệ làm ăn quen biết nhau, nên bà B có cho bà L vay nhiều lần tiền, nhưng đến ngày 06/9/2020 giữa hai bên kết nợ lại bà B có cho bà L vay số tiền tổng cộng là 2.400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất mỗi tháng phải trả là 30.000.000 đồng (tức là 1,25%/tháng), không thỏa thuận thời gian trả, có làm giấy tay nhưng bà L không thực hiện trả cho bà B. Cho đến nay dù nhiều lần báo trước cho bà L yêu cầu trả số tiền nợ vay nhưng bà L cứ hứa mà không thực hiện.

Vì vậy, nay bà B khởi kiện yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ vốn vay là 2.400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật 1,67%/tháng, tính từ ngày 07/9/2020 đến ngày 07/3/2022 là 18 tháng với số tiền lãi: 721.440.000 đồng. Tổng cộng là 3.121.440.000 đồng (Ba tỷ một trăm hai mươi một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn vẫn yêu cầu trả số tiền vốn là 2.400.000.000 đồng. Riêng tiền lãi chỉ tính theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 07/9/2020 đến ngày 07/3/2022 là 18 tháng với số tiền lãi: 358.560.000 đồng, tổng cộng là 2.758.560.000 đồng và **không yêu cầu tính lãi phát sinh đến khi giải quyết xong vụ án.**

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/9/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà thừa nhận có nợ bà B số tiền vay 2.400.000.000 đồng, do chỗ làm ăn quen biết nên bà B giúp đỡ cho bà mượn số tiền này để làm ăn mua bán tôm, nhưng mượn làm nhiều lần mới ra tổng số nợ 2.400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận cứ 1.000.000.000 đồng thì một tháng đóng 60.000.000 đồng (tức lãi 6%/tháng), bà mượn từ năm 2019 và đóng lãi cho đến khoảng 6/2020 thì ngưng đóng lãi, nhưng số tiền lãi đã đóng bao nhiêu thì bà không nhớ. Sau đó hai bên có làm 01 giấy tay mượn tiền để kết nợ lại đề ngày 06/9/2020, giấy tay này do bà tự viết và ký tên vào và trong giấy có ghi mỗi tháng trả 30.000.000 đồng, bắt đầu trả từ ngày 20/7/2020 (âm lịch) là trả nợ gốc nhưng do dịch bệnh bà không trả được.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà B thì bà đồng ý trả số tiền nợ vay là 2.400.000.000 đồng, nhưng xin trả dần và xin giảm bớt lãi suất.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. **Riêng bị đơn** vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền nợ vay là 2.400.000.000 đồng. Về lãi suất: Tại phiên Tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất 0, 83% tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B đối với bà L để buộc trả vốn và lãi là 2.758.560.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Từ năm 2019 đến 2020 bà B có cho bà L vay tiền và số nợ hiện còn nợ là 2.400.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Nay bà B khởi kiện yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn vay là 2.400.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại **Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy xác nhận ngày 27/4/2022 của Công an xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận bà Nguyễn Thị L có đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại ấp Phước Hòa, xã Thạnh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào **điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

** Về nội dung:*

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà B yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 2.758.560.000 đồng, gồm vốn: 2.400.000.000 đồng, lãi 358.560.000 đồng.

Cơ sở chứng cứ:

+ Giấy mượn tiền ngày 06/9/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định được giữa bà B và bà L có giao dịch vay tiền với nhau từ năm 2019 đến năm 2020 và số nợ hai bên kết nợ lại vào ngày 06/9/2020, hiện bà L còn nợ bà B là 2.400.000.000 đồng.

Bà L thừa nhận hiện nay còn nợ bà B là 2.400.000.000 đồng và số nợ vay này là nợ cá nhân của bà vì đã ly hôn chồng từ lâu. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là Giấy mượn tiền ngày 06/9/2020, được bà L thừa

nhận chữ viết, chữ ký trong giấy là do bà viết và ký tên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

[4]. Từ cơ sở trên, xác định được giữa bà B và bà L có quan hệ giao dịch vay tiền, được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm giấy tay, có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên được xem là Hợp đồng vay không kỳ hạn và có tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua Hợp đồng vay thấy rằng, bà L đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi đầy đủ cho bà B nên bà B khởi kiện yêu cầu bà L trả 2.400.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 469; 280 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

Bà B yêu cầu tính lãi suất là 0,83%/tháng.

Bà L xin giảm bớt lãi suất do hoàn cảnh khó khăn, phải đi làm thuê, không còn tài sản gì nhưng không được bà B đồng ý. Đối với tiền lãi đã đóng bà không có yêu cầu gì.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà B cho rằng tính lãi 1,25%/tháng, bà L cho rằng tính lãi 6%/tháng nhưng không có gì chứng minh và nay bà B chỉ yêu cầu tính lãi theo mức 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 07/9/2020 (kể từ sau ngày hai bên kết nợ lại) đến ngày khởi kiện ngày 07/3/2022 là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể:

$2.400.000.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 0,83\% = 358.560.000 \text{ đồng}.$

Vậy tổng cộng vốn và lãi là: 2.758.560.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện bà B không yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 07/3/2022 đến khi giải quyết xong vụ án.

Ghi nhận sự tự nguyện bà L không có yêu cầu tính lại lãi suất đã đóng cho bà B.

[6]. Xét yêu cầu xin trả dần của bà L:

Bà L xin trả dần số tiền vốn 2.400.000.000 đồng do hoàn cảnh khó khăn, phải đi làm thuê, không còn tài sản gì nhưng không được bà B đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà B được chấp nhận toàn bộ, nên bà L phải chịu án phí của số tiền 2.758.560.000 đồng là:

$$\begin{aligned} 2.758.560.000 \text{ đồng} &= 72.000.000 \text{ đồng} + (2\% \times 758.560.000 \text{ đồng}) \\ &= 87.171.000 \text{ đồng}. \end{aligned}$$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 469; Điều 280; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B đối với bà Nguyễn Thị L về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị B số tiền nợ vay là 2.758.560.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm năm mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó tiền vốn: 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng), tiền nợ lãi: 358.560.000 đồng (Ba trăm năm mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại **khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015**.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

4.1. Bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ chịu là 87.171.000 đồng (Tám mươi bảy triệu một trăm bảy mươi một nghìn đồng).

4.2. Bà Phạm Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.214.400 đồng (Bốn mươi bảy triệu hai trăm mười bốn nghìn bốn trăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0008603 ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Phạm Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên

